

姓名: \_\_\_\_\_ 日期: \_\_\_\_\_

Draw a line to match each Chinese word to the correct picture.

1. sài chē

赛车

2. zú qiú

足球

3. bīng qiú

冰球

4. qiú lán

球篮

5. qiú wǎng

球网

6. qiú mén

球门

7. qiú gān

球杆

8. lán qiú

篮球

9. qiú bàng

球棒

10. bàng qiú shǒu tào

棒球手套



Draw a line to match each Chinese word to the correct picture.

11. qiú pāi  
球拍



12. yóu yǒng jìng  
游泳镜



13. yǒng mào  
泳帽



14. huá xuě bǎn  
滑雪板



15. bīng xié  
冰鞋



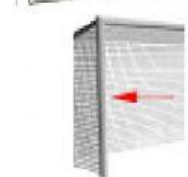
16. jiē lì bàng  
接力棒



17. qǐ pǎo xiàn  
起跑线



18. hóng pái  
红牌



19. mén zhù  
门柱



20. duì yuán  
队员



Draw a line to match each Chinese word to the correct picture.

21. lā lā duì

啦啦队



22. qiú tái

球台



23. tiào tái

跳台



24. yóu yǒng guǎn

游泳馆



25. yǒng dào

泳道



26. yóu yǒng yī

游泳衣



27. yùn dòng fú

运动服

